TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 4 năm 2026
"V/v Ly hụn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - Đ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh N .**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Phạm H .**
2. Bà **Huỳnh Thị L .**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đ: Bà **Phan Thị Thúy H** - Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Xuân T** - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đ.

Ngày 17 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 374/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoón phiờn tũa số 32/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30.3.2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn : - Bà **Cao Thị H** – Sinh năm 1988 – Trú tại : Tổ 64, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, cú mặt.

* Bị đơn : - Ông **Bựi Quang D** – Sinh năm 1984 - Địa chỉ: Tổ 64, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NHẬN THẤY

* Trong đơn khởi kiện về việc Ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là bà Cao Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị H và ông Bùi Quang D kết hôn từ năm 2009, cú đăng ký kết hôn tại UBND xó Quế Lộc, huyện Nụng Sơn, tỉnh Quảng N cũ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hụn ụng bà về sống chung tại tổ 64, phường Liên C , thành phố Đà N . Quá trình chung sống giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tớnh tỡnh và quan điểm sống không hợp nhau, ông D là người vô tâm, không chịu đi làm, không có trách nhiệm với gia đỡnh nờn vợ chồng thường xuyên cải vã, xỳc phạm nhau, ngoài ra vợ chồng khụng cú tiếng nói chung về mọi chuyện. Đỉnh điểm là khoảng năm 2023, cả hai cú xảy ra cói vả, gõy gổ nhau, nờn bà Hạnh phải chuyển ra ngoài sinh sống, ông bà sống ly thân từ đó, không ai có trách nhiệm với ai. Nay bà H xác định tình cảm khụng cũn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống, cần thiết giải thoỏt cho nhau để cuộc sống ổn định hơn nên bà Cao Thị H kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ụng Bựi Quang D .

Về con chung: Bà Cao Thị H và ông Bùi Quang D thống nhất xác định ông bà cú 02 con chung tờn Bựi Nhật Kh – Sinh ngày 09.9.2009 và Bùi Thiờn Â – Sinh ngày 28.10.2017. Ly hụn, bà Cao Thị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, khụng yờu cầu ụng Dũng đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Bà Cao Thị H và ông Bùi Quang D thống nhất xác định ông bà khụng cú tài sản chung nờn khụng yờu cầu Tũa ỏn giải quyết.

Về nợ chung: Bà Cao Thị H và ông Bùi Quang D thống nhất xác định ông bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Bùi Quang D đến tham gia tố tụng tại Tòa án, tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tỡnh cảm và giải quyết vụ án nhưng ụng Dũng vẫn vắng mặt, chỉ gửi văn bản trỡnh bày ý kiến, thể hiện nội dung tại Bản tự khai đề ngày 16.3.2026 thừa nhận giữa ụng bà cú phỏt sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường xuyên bất hũa, mõu thuẫn, khụng hũa hợp, khụng thể chung sống với nhau, ụng bà đó sống ly thõn 03 năm nay. Nay bà Cao Thị H xin ly hôn thì ông D đồng ý và chấp nhận giao 02 con chung cho bà H, ông D sẽ đóng góp chu cấp nuôi dưỡng. Do ông D vắng mặt nờn Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ụng Bựi Quang D theo quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại phiờn tũa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng phỏt biểu:

Thẩm phán đó thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trỡnh tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trỡnh giải quyết vụ ỏn. Thư ký phiờn tũa đó thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đó tuõn thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tũa được tiến hành khách quan, đúng trỡnh tự. Nguyờn đơn và bị đơn đó thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dõn sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuụi con chung của bà Cao Thị H đối với ông Bựi Quang Dũng.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng : Bà Cao Thị H khởi kiện tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng - Là nơi cư trú của bị đơn, ụng Bựi Quang D là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ phỏp luật: Bà Cao Thị Hạnh yờu cầu Tũa ỏn giải quyết ly hụn đối với ụng Bựi Quang Dũng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung : Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bà Cao Thị H và ông Bùi Quang D kết hôn từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xó Quế L , huyện Nụng S , tỉnh Quảng N cũ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, phù hợp các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại điều 8, điều

9 Luật Hôn nhân gia đõnh, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên toà hôm nay, bà Cao Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ụng Bựi Quang Dũng, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, ông Dũng là người vô tâm, không chịu đi làm, không có trách nhiệm với gia đõnh nờn vợ chồng thường xuyên cải vó, xỳc phạm nhau, ngoài ra vợ chồng không có tiếng nói chung về mọi chuyện. Đỉnh điểm là khoảng năm 2023, cả hai có xảy ra cói vả, gõy gổ nhau, nờn bà Hạnh phải chuyển ra ngoài sinh sống, khụng ai cú trỏch nhiệm với ai. Thực tế ụng bà chớnh thức sống ly thõn đó 03 năm nay nờn tỡnh cảm khụng cũn nên bà Hạnh đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ụng Bựi Quang D .

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Thị H thì thấy: Nền tảng của một cuộc hụn nhõn hạnh phỳc dựa trờn yếu tố tỡnh cảm, trỏch nhiệm xõy dựng gia đõnh, sự tin tưởng, yêu thương chia sẻ với nhau của cả hai. Tuy nhiờn giữa bà H và ụng D đó tồn tại những mõu thuẫn trong quỏ trỡnh hôn nhân, cả hai khụng cú sự thấu hiểu và chia sẻ với nhau để cựng vun ven hạnh phúc gia đình, chớnh vỡ cả hai khụng có sự gắn kết, yêu thương và tỡnh yờu nờn dẫn dến mõu thuẫn trong suốt quỏ trỡnh chung sống, cả hai thường xuyên căng thẳng, dẫn đến cải vả, xúc phạm nhau, bản thõn bà Hạnh thừa nhận hụn nhõn khụng cú hạnh phỳc nờn sống chung rất mệt mỏi, ảnh hưởng tõm trạng và con cỏi nên dẫn đến hôn nhân bế tắc, không bền vững, gắn kết dài lâu.

Theo biên bản xác minh của Toà án ở địa phương nơi ông bà cư trú thể hiện ông bà liờn tục xảy ra mõu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, to tiếng với nhau. Khoảng năm 2023, bà Hạnh và con chung đó ra khỏi nhà, hiện nay ụng Dũng và bà Hạnh đó khụng cũn chung sống với nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải và tạo điều kiện kéo dài thời gian cho ụng D tìm cách hàn gắn tình cảm với bà Hạnh để ông bà có cơ hội đoàn tụ nhưng ụng D vẫn vắng mặt đó thể hiện khụng cú thiện chớ trong việc hũa giải đoàn tụ, ngoài ra hôn nhân thực tế của ông bà đó chấm dứt vào thời điểm từ năm 2023 cho đến nay, hiện nay ông bà đó sống ly thõn với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay và quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Quang D vắng mặt, tuy nhiờn cú thể hiện tại Bản tự khai đề ngày 16.3.2026 thừa nhận giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường xuyên bất hũa, mõu thuẫn, khụng hũa hợp, khụng thể chung sống với nhau, ông bà đó sống ly thõn 03 năm nay. Nay bà Cao Thị H xin ly hôn thỡ ụng Bỡnh đồng ý và chấp nhận giao 02 con chung cho bà H , ông D sẽ đóng góp chu cấp nuôi dưỡng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Cao Thị H và ông Bùi Quang D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng các điều 51, 54, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Thị Hạnh và ụng Bựi Quang Dũng.

Về con chung: Bà Cao Thị H và ụng Bựi Quang D thống nhất xác định ông bà cú 02 con chung tờn Bựi Nhật Khang – Sinh ngày 09.9.2009 và Bựi Thiên Â – Sinh ngày 28.10.2017. Ly hôn, bà Cao Thị Hạnh có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Dũng đóng góp cấp dưỡng nuụi con.

Xét yêu cầu và điều kiện về nuôi con, HĐXX xét thấy: Chỏu Bựi Nhật Khang và Bựi Thiờn Ân đang cũn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, từ khi vợ chồng sống ly thân 02 cháu đều sống cùng bà Hạnh, đó đảm bảo được nơi ăn ở, học hành ổn định, bản thõn bà Hạnh có công ăn việc làm ổn định, cũng lo lắng chu toàn cho con chung lõu nay

và phù hợp với nguyện vọng được sống cùng mẹ của hai cháu, phù hợp với yêu cầu của bị đơn về việc đồng ý giao 02 con chung cho bà Hạnh nuụi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của bà Hạnh, giao cháu Bựi Nhật Khang – Sinh ngày 09.9.2009 và Bựi Thiờn Ân – Sinh ngày 28.10.2017 cho bà Cao Thị Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Đồng thời tại Bản tự khai, ông Dũng đồng ý giao 02 con chung cho bà Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý chu cấp nuụi con. Tuy nhiờn, bà Cao Thị Hạnh không yêu cầu ông Bựi Quang Dũng đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó HĐXX không đề cập giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung : Bà Cao Thị H và ụng Bựi Quang D thống nhất xác định ông bà khụng cú tài sản chung nờn khụng yờu cầu Tũa ỏn giải quyết.

Về nợ chung: Bà Cao Thị H và ụng Bựi Quang D thống nhất xác định ông bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà.

[3]. *Về ỏn phớ:* Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ỏn phớ và lệ phớ Tũa ỏn và Danh mục ỏn phớ, lệ phớ Tũa ỏn (ban hành kốm theo) bà Cao Thị Hạnh phải nộp tiền ỏn phớ 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 227, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Áp dụng Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc " Ly hôn" của bà Cao Thị H đối với ụng Bựi Quang D .

Xử: cho bà Cao Thị Hạnh được ly hôn với ụng Bựi Quang D .

- **Về con chung**: Bà Cao Thị H và ụng Bựi Quang Dũng thống nhất xác định ông bà cú 02 con chung tờn Bựi Nhật K – Sinh ngày 09.9.2009 và Bựi Thiờn Â – Sinh ngày 28.10.2017.

Xử : Giao chỏu Bựi Nhật Khang – Sinh ngày 09.9.2009 và Bựi Thiờn Ân – Sinh ngày 28.10.2017 cho bà Cao Thị Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng. ễng Bựi Quang Dũng không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ly hôn, các bên đương sự đều có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung : Bà Cao Thị H và ụng Bựi Quang D thống nhất xác định ông bà khụng cú tài sản chung nờn khụng yờu cầu Tũa ỏn giải quyết.

Về nợ chung: Bà Cao Thị H và ông Bùi Quang D thống nhất xác định ông bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà.

2. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Cao Thị H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ bà Hạnh đã nộp theo

biên lai thu số 0006245 ngày 28/11/2025 tại Phũng thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đ. Bà Cao Thị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản ỏn hoặc trích sao bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thỡ người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh N

Nơi nhận :
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Viện KSND KV4-Đ.*
- *Lưu hồ sơ.*